

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TO  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **69/2019/HS-ST**

Ngày 14/11/2019.

V/v: *N.Q.T(Chung)*

*Trộm cắp tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN TIẾN HÙNG**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **LÊ HUY TRỌNG**;

2. Bà **NGUYỄN THỊ TÍCH**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **LÊ VIỆT CƯỜNG**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO tham gia phiên tòa:**  
Ông **NGUYỄN THỌ THUẬN**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện TO xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2019/HSST ngày 21 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **N.Q.T** (tên gọi khác **N.Q.C**) sinh năm 1998; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn TN, xã MH, huyện TO, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; Con ông NCT, sinh năm 1966 và bà NDT, sinh năm 1966; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: Không; danh chỉ bản số 117 lập ngày 24/5/2019 tại Công an huyện TO.

Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện TO từ ngày 23/5/2019 đến ngày 29/5/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**\* Nguyên đơn dân sự:** UBND xã MH, huyện TO, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông ĐVT (*Pháp danh: TQV*), sinh năm 1976. Đại diện chùa thôn TN, xã MH, huyện TO, Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị BTH, sinh năm 1987. Trú tại: xóm Vực, xã TL, huyện TT, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

## NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

N.Q.T (tên gọi khác: N.Q.C) sinh năm 1998, trú tại thôn TN, xã MH, huyện TO, Hà Nội là đối tượng nghiện game nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong chùa LB ở thôn TN, xã MH để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 20/4/2019 đến 16/5/2019, T đã 03 lần trộm cắp tài sản tại chùa LB.

### Cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 20/4/2019, N.Q.T đi xe đạp từ quán game ở khu vực quận HĐ, Hà Nội đến chùa LB để trộm cắp tài sản. Khi đến đình thôn TN, T dựng xe đạp ở phía sau đình rồi đi bộ đến chùa LB và trèo tường vào bên trong. Sau đó T đi đến khu vực gian thờ phật thấy cửa đóng, T trèo lên cửa chính và tháo một số thanh gỗ ô thoáng ở phần trên cửa để chui vào bên trong. Khi vào bên trong, T lấy tiền ở trên các ban thờ phật cho vào túi quần. Sau đó T thấy 01 hòm công đức nhưng có khóa nên đã tìm, lấy được 01 thanh sắt nhỏ trong chùa cho vào trong hòm công đức để móc tiền ra ngoài. Sau khi lấy tiền xong, T đi ra ngoài lấy xe đạp quay lại quán game ở khu vực HĐ để chơi điện tử và đếm tổng số tiền trộm cắp được khoảng 5.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

**Vụ thứ 2:** Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 06/5/2019, T đi xe đạp đến chùa LB để trộm cắp tài sản. Sau khi trèo tường vào trong chùa, T đi đến khu vực phòng đọc sách của chùa thấy cửa phòng khóa nên T đi theo cầu thang ở bên ngoài lên hành lang tầng 2 rồi chui qua ô cửa thoáng vào bên trong rồi đi theo cầu thang bên trong xuống tầng 1. Tại phòng sách, T thấy có 01 chiếc cặp màu đen bên trong tủ sách. T đã lục cặp và lấy hết số tiền trong cặp được 10.000.000 đồng cho vào túi quần rồi đi ra ngoài. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

**Vụ thứ 3:** Khoảng 2 giờ ngày 16/5/2019, T đi xe đạp đến chùa LB để trộm cắp tài sản. Sau khi trèo tường vào trong chùa, T đi đến nhà khách mới xây là nơi ở và sinh hoạt của sư thầy ĐVT, sinh năm 1976 là trụ trì của chùa LB, thấy cửa đóng nhưng không khóa nên T mở cửa đi vào bên trong. Tại đây T phát hiện ở góc phòng có 01 chiếc hòm tôn, T mở nắp hòm tôn thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động Vivo V6 nên đã lấy cho vào túi quần. T tiếp tục tìm trong phòng thấy 01 túi nilong bên trong có tiền nhiều loại mệnh giá khác nhau nên đã lấy toàn bộ số tiền này. Sau đó T đi đến gian thờ phật thấy có 01 đôi loa loại nằm ngang không rõ nhãn hiệu và 01 đôi loa loại đứng nhãn hiệu GMK ở gian giữa, T đã lấy 02 đôi loa này đem theo trèo ra ngoài và đi xe đạp về lều của T ở cánh đồng thôn QM, xã MH cất giấu. Khi về tới lều, T kiểm tra tổng số tiền lấy được khoảng 2.000.000 đồng. Đến sáng ngày 16/5/2019, T đem bán 01 đôi loa loại nằm ngang tại một cửa hàng loa đài ở khu vực phường KH, quận HĐ được 250.000 đồng, đem bán chiếc điện thoại di động Vivo V6 cho chị BTH sinh năm 1987 là chủ cửa hàng điện thoại Hải H ở xóm Vực, xã TL, huyện TT, Hà Nội được 900.000 đồng. Tất cả số tiền trộm cắp và bán tài sản trộm cắp T đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 23/5/2019, T đến Công an huyện TO đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 28/5/2019, cơ quan điều tra tiến hành dẫn giải N.Q.T để xác định địa điểm bán 01 đôi loa loại nằm ngang ở khu vực phường KH, quận HĐ nhưng T không nhớ rõ nên không xác định được địa điểm bán cụ thể và không thu giữ được đôi loa này.

**Tang vật, tài sản thu giữ:**

- 02 chiếc loa dạng loa thùng đứng đã cũ, mặt trước mỗi loa có gắn mác “GMK” thân loa màu đen, chiều cao 60cm, mặt trước rộng 38cm, mặt sau rộng 25cm thu tại lều của N.Q.T ở cánh đồng thôn QM, xã MH;

- 01 chiếc xe đạp đã qua sử dụng, khung xe sơn màu đen, thân khung xe có dán chữ Việt Hùng do bà NDT (mẹ của T) tự nguyện giao nộp;

*Tại các bản kết luận định giá tài sản số 34 và 35/KL - ĐGTS ngày 17/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện TO kết luận:*

- 02 chiếc loa thùng đứng, mặt trước của mỗi chiếc loa có gắn mác “GMK”, thân loa màu đen, chiều cao 60cm, mặt trước loa rộng 38cm, mặt sau loa rộng 25cm (tài sản đã qua sử dụng, chiếc loa trên đã cũ), giá trị của 02 chiếc loa là: 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng);

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V6 mặt sau màu vàng nhạt, mặt trước có viền màn hình màu trắng (tài sản đã qua sử dụng), có giá trị: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

- Đối với 02 chiếc loa dạng loa thùng nằm ngang. Trong hồ sơ không có đủ căn cứ để định giá nên Hội đồng định giá không định giá trị.

Quá trình điều tra mặc dù chưa có đủ căn cứ định giá tài sản nhưng sư thầy ĐVT có ý kiến tại thời điểm bị mất trộm, 02 chiếc loa dạng loa thùng nằm ngang nêu trên có giá trị là 250.000 đồng và N.Q.T cũng đồng ý với giá trị trên.

*Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 280/KLGD ngày 14/8/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế kết luận:*

Tại thời điểm phạm tội các ngày 20/4/2019, 06/5/2019, 16/5/2019 và tại thời điểm giám định bị can N.Q.T có bệnh nghiện game. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và khả năng điều chỉnh hành vi.

Đối với vật chứng của vụ án là 02 chiếc loa dạng loa thùng đứng nhãn hiệu “GMK” màu đen. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản do chùa LB quản lý nên ngày 13/6/2019 cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành trao trả lại cho trụ trì nhà chùa sư thầy ĐVT là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền N.Q.T đã trộm cắp được tại chùa LB cần xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định bà NDT (mẹ đẻ của T) sinh năm 1966, trú tại thôn TN, xã MH, huyện TO, Hà Nội là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe đạp mà T dùng để đi trộm cắp tài sản. Bà D không biết việc T dùng chiếc xe đạp này để đi trộm cắp tài sản nên bà D không phạm tội. Ngày 13/6/2019 cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành trao trả lại chiếc xe đạp trên cho bà D là có căn cứ.

Đối với BTH là người đã mua chiếc điện thoại di động Vivo V6 do T trộm cắp mà có với giá 900.000 đồng. Quá trình điều tra xác định chị H không biết chiếc điện thoại này do T trộm cắp nên H không phạm tội.

Trước cơ quan điều tra bị cáo N.Q.T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số: 68/CT-VKS-HS ngày 21/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO truy tố bị cáo N.Q.T, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: N.Q.T mức án tù 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

*Về trách nhiệm dân sự:* ông ĐVT (Pháp danh: TQV), Đại diện chùa thôn TN, xã MH, huyện TO, Hà Nội.có đơn trình bày việc gia đình bị cáo đã trả đủ số tiền do T trộm cắp của chùa nên không xem xét.

*Về xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Cần buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 900.000đồng thu hồi bất chính do bán chiếc điện thoại di động Vivo V6 và 250.000đồng bán đôi loa loại nằm ngang để sung quỹ Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện TO và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TO và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về nội D:* Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, lời khai người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự sơ hở tại chùa LB ở thôn TN, xã MH, huyện TO, Hà Nội. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/4/2019 đến 16/5/2019, N.Q.T đã lén lút trộm cắp 03 lần tại chùa, chiếm đoạt được 02 chiếc loa thùng đứng, 02 chiếc loa thùng nằm ngang, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V6 và 17.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T đã trộm cắp được là 18.650.000

đồng. Đối chiếu với các quy định của pháp luật hình sự thì hành vi nêu trên của N.Q.T đã phạm vào tội *Trộm cắp tài sản*, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO truy tố bị cáo N.Q.T, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để dẫn dắt, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và từng lần phạm tội có giá trị đủ mức định lượng truy tố về tội Trộm cắp tài sản. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Phạm tội 02 lần trở lên*, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú khai báo thành khẩn hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải; nhân thân chưa tiền án, tiền sự, bị cáo cùng gia đình đã bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự và đại diện nguyên đơn có đơn xin miễn giảm tội cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc ổn định và không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 18/10/2019 gia đình bị cáo N.Q.T đã bồi thường toàn bộ cho Chùa LB do ông ĐVT (pháp danh TQV) chủ trì chùa nhận và có đơn xin miễn giảm tội cho bị cáo T, nên Tòa không xét.

[6]. *Về xử lý vật chứng*:

Đối với BTH là người đã mua chiếc điện thoại di động Vivo V6 do T trộm cắp mà có với giá 900.000 đồng. Quá trình điều tra xác định chị H không biết chiếc điện thoại này do T trộm cắp nên H không phạm tội. Chị H đã bán chiếc điện thoại trên cho khách mua không quen biết được 1.100.000đồng nên không thu hồi được chiếc điện thoại trên. Vì vậy, cần buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền thu hồi bất chính là 900.000đồng và 250.000đồng bán đôi loa loại nằm ngang để sung quỹ Nhà nước.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

***Vì các lẽ trên!***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh*: Tuyên bố N.Q.T, tên gọi khác N.Q.C phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.
2. *Về điều khoản áp dụng và hình phạt*:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **N.Q.T**, tên gọi khác **N.Q.C: 09**(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/5/2019 đến ngày 29/5/2019.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 900.000 đồng tiền bán chiếc điện thoại di động Vivo V6 và 250.000đồng bán đôi loa loại nằm ngang, tổng số tiền là: 1.150.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện TO;
- CA huyện TO;
- THADS huyện TO;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TIẾN HÙNG**

